

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 40/2025/DS-ST

Ngày: 12-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-DS ngày 09/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2025/QĐST-DS ngày 25/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà Kim, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà H1, ông Th2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn Th2 có vay mượn tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr để phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị H1. Cụ thể như sau:

Ngày 07/12/2021, bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn Th2 đã mượn số tiền 21.600.000 đồng để đóng bảo hiểm.

Ngày 15/12/2021, bị đơn bà H1 tiếp tục mượn thêm số tiền 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn bà H1 đã mượn là 30.600.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Hạnh đã trả được số tiền 1.500.000 đồng.

Nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn Th2 có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm: Tiền nợ gốc 29.100.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 16/12/2021 đến ngày 09/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 9.780.833 đồng (Chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 38.880.833 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

* Tại bản tự khai ngày 12/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng trình bày:

Khoản nợ này được vợ chồng bị đơn bà H1, ông Th2 mượn để phục vụ cho nhu cầu gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông, bà. Vì thế, cả hai vợ chồng bà H1 và ông Th2 phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Sau khi Tòa án mời làm việc, bà H1, ông Th2 đã trả được số tiền 4.500.000 đồng, cụ thể: Ngày 25/02/2025, bà H1 trả 1.500.000 đồng; ngày 25/3/2025, bà H1 trả 1.500.000 đồng; ngày 27/4/2025, bà H1 trả 1.500.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc bị đơn bà H1, ông Th2 còn nợ là 26.100.000 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn Th2 có trách nhiệm thanh toán là 31.608.493 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), gồm:

+ Số tiền gốc 26.100.000 đồng.

+ Số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc. Cụ thể: Số tiền lãi tính từ ngày 04/12/2022 đến ngày 12/5/2025 trên khoản tiền nợ gốc 21.600.000 đồng là 5.266.849 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 04/6/2024 đến ngày 17/12/2024 trên khoản tiền nợ gốc 4.500.000 đồng là 241.644 đồng. Tổng số tiền lãi là 5.508.493 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà Hạnh quyết định.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2025, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 và ông Nguyễn Văn Th2 là vợ chồng có

đăng ký kết hôn, cùng chung sống tại số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. Ngày 07/12/2021, bà H1 có mượn của vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr số tiền là 21.600.000 đồng để đóng bảo hiểm prudential, (cụ thể là Hợp đồng số 75257810 ngày 07/12/2021), việc mượn tiền không thỏa thuận trả lãi, hẹn góp 01 ngày 60.000 đồng. Việc mượn tiền có lập giấy do nguyên đơn bà H là người ghi, trong giấy chỉ có chữ ký của bị đơn bà H1, ngày ghi giấy là ngày 07/12/2021. Nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn bà H1.

Ngày 15/12/2021, bị đơn bà H1 có mượn thêm của nguyên đơn bà H, ông Tr số tiền 9.000.000 đồng, hẹn góp ngày 100.000 đồng. Việc mượn tiền có ghi giấy do bị đơn bà H1 ghi và ký tên. Nguyên đơn bà H đã giao đủ tiền cho bị đơn bà H1.

Hai lần mượn tiền này đều là do bị đơn bà H1 mượn với tư cách cá nhân để tiêu dùng chi tiêu khám bệnh cho bản thân, chồng bà H1 là ông Th2 không biết. Từ lúc mượn tiền đến nay, bà H1 đã trả góp được gần 30 ngày nhưng không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả tiền này.

Nay, bà H, ông Tr khởi kiện tại Tòa án buộc vợ chồng bị đơn bà H1, ông Th2 có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm: Tiền nợ gốc 30.600.000 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 16/12/2021 đến ngày 18/02/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 9.860.000 đồng (Chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 40.460.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), thì bị đơn bà H1 đồng ý một mình chịu trách nhiệm trả số tiền này, cụ thể: Từ tháng 02/2025, hàng tháng bị đơn bà H1 sẽ trả cho nguyên đơn bà H, ông Tr số tiền là 1.500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Th2 trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr, bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 25/4/2025 và ngày 12/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn Th2 là bị đơn trong vụ án là chưa đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bởi vì hai lần bị đơn mượn tiền đều không có ông Th2 tham gia.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn bà H1 đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền bị đơn mượn là 30.600.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 4.500.000 đồng tiền nợ gốc. Bị đơn bà H1 khai nhận mượn tiền để mua bảo hiểm và chữa bệnh, chi tiêu trong gia đình nên cần buộc chồng bà Hạnh là ông Th2 cùng chịu trách nhiệm trả tiền là phù hợp. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà Hạnh quyết định. Tại biên bản công khai chứng cứ, nguyên đơn yêu cầu bà Hạnh, ông Th2 trả số tiền nợ gốc là 29.100.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 16/12/2021 đến ngày 09/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 9.780.833 đồng (Chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 38.880.833 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 25/4/2025 và ngày 12/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyền số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa

những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[1.3] Về thay đổi tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự: *“Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm”*. Trong vụ án này, nguyên đơn cho rằng vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn Th2 nợ tiền của nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn đưa ông Th2 vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là phù hợp. Như vậy, yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh về việc thay đổi tư cách tố tụng của ông Nguyễn Văn Th2 từ bị đơn thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn Th2 phải thanh toán số tiền 31.608.493 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), gồm: Nợ gốc là 26.100.000 đồng; số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc, cụ thể: Số tiền lãi tính từ ngày 04/12/2022 đến ngày 12/5/2025 trên khoản tiền nợ gốc 21.600.000 đồng là 5.266.849 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 04/6/2024 đến ngày 17/12/2024 trên khoản tiền nợ gốc 4.500.000 đồng là 241.644 đồng. Tổng số tiền lãi là 5.508.493 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Nộp kèm là 01 Giấy mượn tiền ghi 02 nội dung vào ngày 07/12/2021 và ngày 15/12/2021 bản chính.

[3] Theo Giấy mượn tiền ghi 02 nội dung vào ngày 07/12/2021 và ngày 15/12/2021 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: Nội dung 01: Ngày 07/12/2021 bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th2 có mượn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tiền đóng bảo hiểm là 21.600.000 đồng, đóng 60.000 đồng/ngày, bắt đầu đóng ngày 07/12/2021. Nội dung 02: Bà Hạnh có mượn thêm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 9.000.000 đồng, đóng 10.000, ngày 15/12 dương lịch. Cả hai nội dung đều có chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

[3.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận ngày 07/12/2021 và ngày 15/12/2021 có lập và ký Giấy mượn tiền với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, nội dung giống như Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bị đơn bà H1 xác nhận có nợ nguyên đơn bà H số tiền 30.600.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

[3.2] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông Th2 không đến tòa án làm việc, không có ý kiến gửi đến Tòa án và giấy mượn tiền do một mình bị đơn bà H1 ký kết, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bị đơn bà H1 thì mục đích mượn tiền để mua bảo hiểm và chữa bệnh cho bà, như vậy, số tiền mượn dùng để chăm sóc sức khỏe cho bà H1, là nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bị đơn bà H1, ông Th2 theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cả hai vợ chồng bị đơn bà H1, ông Th2.

Như vậy, thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn bà H1, ông Th2 có việc mượn số tiền là 30.600.000 đồng. Tuy nhiên, theo người đại diện nguyên đơn thừa nhận, quá trình tổ tụng, bị đơn bà H1 đã trả được 4.500.000 đồng, nợ gốc còn lại là 26.100.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.3] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà Hạnh quyết định. Như vậy bị đơn bà H1, ông Th2 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 26.100.000 đồng cho nguyên đơn bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H1, ông Th2 thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo Giấy mượn tiền và sự thừa nhận của hai bên, 02 lần mượn tiền đều không thỏa thuận tính lãi. Hai Giấy mượn đều có ghi góp theo ngày, từ đó có thể tính toán được ngày thanh toán hết số tiền mượn. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi sau khi hết kỳ hạn là phù hợp.

- Đối với khoản tiền 21.600.000 đồng mượn ngày 07/12/2021, ghi góp 60.000 đồng/ngày từ ngày 07/12/2021, thời gian góp là 360 ngày, vậy ngày hết hạn góp là ngày 03/12/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 04/12/2022 với mức lãi suất 10%/năm. Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính từ ngày 04/12/2022 đến ngày 12/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 5.266.849 đồng.

- Đối với khoản tiền 9.000.000 đồng mượn ngày 15/12/2021, ghi góp 10.000 đồng/ngày, thời gian góp là 900 ngày, vậy ngày hết hạn góp là ngày 03/6/2024. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 04/6/2024 với mức lãi suất 10%/năm. Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền bị đơn đã trả 4.500.000 đồng sẽ trừ vào số tiền nợ gốc của khoản nợ này, như vậy, khoản nợ này tiền gốc còn lại là 4.500.000 đồng, lãi sẽ tính từ ngày 04/6/2024 đến ngày 17/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm là 241.644 đồng.

Tổng số tiền lãi là 5.508.493 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời gian tính lãi này là có lợi cho bị đơn, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và

nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn Th2 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th2 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 31.608.493 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), gồm: Nợ gốc là 26.100.000 đồng; số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm là 5.508.493 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th2 phải chịu **1.580.000 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).**

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí **998.000 đồng (Chín trăm chín mươi tám nghìn đồng)** theo biên lai thu tiền số **0005182** ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung